Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 27-05-2026 16:57:40 +07:00

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 27
Ngày: 27/5/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

V/v: tự công bố sản phẩm.

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Kính gửi : **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Xúc xích hun khói Servelat vân cẩm thạch MRT	53/Moonmilk/2026	01/05/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MOONMILK

Nguyễn Hữu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 53/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888 Email: import2.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm: Xúc xích hun khói Servelat vân cẩm thạch MRT

2.Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, thịt bò, nước, protein sữa, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất giữ màu (natri nitrit)), protein động vật (từ thịt heo), chất điều chỉnh độ axit (natri triphosphat, natri dihydro pyrophosphat, natri citrat), dextrose, maltodextrin, chất chống oxy hóa (natri isoascorbat, axit ascorbic L-), chất điều vị (mononatri glutamat), gia vị tự nhiên (tỏi, rau mùi, tiêu đen, nhục đậu khấu, thì là, ớt đỏ, bạch đậu khấu), chất tạo màu (carmin), hương liệu.

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 55 ngày kể từ ngày sản xuất

4.Quy cách đóng gói: 330g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.

5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế.

6.Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6.

Địa chỉ: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3: 2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT –Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIAM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

Nhãn phụ

- **Xúc xích hun khói Servelat vân cẩm thạch MRT**
- Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, thịt bò, nước, protein sữa, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất giữ màu (natri nitrit)), protein động vật (từ thịt heo), chất điều chỉnh độ axit (natri triphosphat, natri dihydro pyrophosphat, natri citrat), dextrose, maltodextrin, chất chống oxy hóa (natri isoascorbat, axit ascorbic L-), chất điều vị (mononatri glutamat), gia vị tự nhiên (tỏi, rau mùi, tiêu đen, nhục đậu khấu, thì là, ớt đỏ, bạch đậu khấu), chất tạo màu (carmin), hương liệu.
- Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 6°C. Thời hạn sử dụng khuyến nghị của sản phẩm sau khi bao bì tiêu dùng bị mở, ở nhiệt độ bảo quản từ 2°C đến 6°C và độ ẩm không khí tương đối từ 75% đến 78%, không quá 3 ngày và trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm đóng gói.
- Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
  Sản phẩm có thể chứa thành phần của mù tạt, ngũ cốc, mè, các loại hạt, cần tây, sulfite và các sản phẩm chế biến từ chúng.
- Hạn sử dụng: 55 ngày kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6.
  Địa chỉ: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
  CÔNG TY TNHH MOONMILK
  Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
  SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 53/Moonmilk/2026

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	
Năng lượng (Energy)	273 Kcal
Đạm (Protein)	15.2 g
Carbohydrat (Carbohydrate)	17.7 g
Béo tổng (Total fat)	22.5 g
Natri (Sodium)	799 mg
Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn	

M.S.D.N: 4201570744-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
T. NHA TRANG - KHÁNH HÒA

Xúc xích hun khói Servelat vân cẩm thạch MRT	
ИСКЛЮЧИТЕЛЬНО ИЗ МЯСА С СОБСТВЕННЫХ ФЕРМ МИРАТОРГ	CHỈ SỬ DỤNG THỊT TỪ CÁC TRANG TRẠI RIÊNG MIRATORG
МАССА НЕТТО: 330 г 4 640106 724149 20 мм 10 мм	**Khối lượng tịnh: 330g** **(Mã vạch)** **4 640106 724149** *(20 x 10) mm*
ВАРЕНО-КОПЧЕНЫЙ СЕРВЕЛАТ МРАМОРНЫЙ	**XÚC XÍCH HUN KHÓI CERVELAT VÂN CẨM THẠCH**
КОНТРОЛЬ 100% ПРОИЗВОДСТВА МЯСА	KIỂM SOÁT 100% QUY TRÌNH SẢN XUẤT THỊT
КЛАССИЧЕСКАЯ РЕЦЕПТУРА	**CÔNG THỨC CỔ ĐIỂN**
ИНФОРМАЦИЯ ВНУТРИ	**THÔNG TIN BÊN TRONG**

RU МЯСНОЕ КОЛБАСНОЕ ИЗДЕЛИЕ ВАРЕНО-КОПЧЕНОЕ. КОЛБАСА «СЕРВЕЛАТ МРАМОРНЫЙ».

Упаковано под вакуумом. Состав: свинина, шпик, говядина, вода, белок молочный, посолочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), животный белок (свиной), регуляторы кислотности (трифосфат натрия 5-замещенный, дигидропирофосфат натрия, цитрат натрия 3-замещенный), декстроза, мальтодекстрин, антиокислитель (изоаскорбат натрия, аскорбиновая кислота, L-), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия 1- замещенный), натуральные специи (чеснок, кориандр, перец чёрный, мускатный орех, тмин, перец красный, кардамон), краситель (кармины), ароматизаторы. На предприятии используются: горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки. **Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения):** белок - 15 г; жир - 25 г; **энергетическая ценность (калорийность)** - 1193 кДж/285 ккал. Хранить при температуре от 0°С до 6°С. Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре хранения от 0°С до 6°С и относительной влажности воздуха от 75% до 78% - не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. Дата изготовления и упаковывания, срок годности: смотреть на упаковке. **ТУ 10.13.14-003-93150011-2018.** Произведено в России. **Изготовитель:** ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6. **Адрес производства:** 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2. **Телефон «Горячей линии»:** 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). www.miratorg.ru.

RUS. SẢN PHẨM XÚC XÍCH HUN KHÓI "SERVELAT VÂN CẨM THẠCH"

Đóng gói hút chân không. Thành phần: thịt heo, mỡ heo, thịt bò, nước, protein sữa, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất giữ màu (natri nitrit)), protein động vật (từ thịt heo), chất điều chỉnh độ axit (natri triphosphat, natri dihydro pyrophosphat, natri citrat), dextrose, maltodextrin, chất chống oxy hóa (natri isoascorbat, axit ascorbic L-), chất điều vị (mononatri glutamat), gia vị tự nhiên (tỏi, rau mùi, tiêu đen, nhục đậu khấu, thì là, ớt đỏ, bạch đậu khấu), chất tạo màu (carmin), hương liệu. Tại cơ sở sản xuất có sử dụng: mù tạt, ngũ cốc, mè, các sản phẩm từ sữa, các loại hạt, cần tây, sulfite, trứng và các sản phẩm chế biến từ trứng. **Giá trị dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm (giá trị trung bình):** protein – 15 g; chất béo – 25 g; **Giá trị năng lượng (kcal)** – 1193 kJ / 285 kcal. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 6°C. Thời hạn sử dụng khuyến nghị của sản phẩm sau khi bao bì tiêu dùng bị mở, ở nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 6°C và độ ẩm không khí tương đối từ 75% đến 78%, không quá 3 ngày và trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm đóng gói. Ngày sản xuất, ngày đóng gói và hạn sử dụng: xem trên bao bì. **Tiêu chuẩn TU 10.13.14-003-93150011-2018.** Sản xuất tại Nga. **Nhà sản xuất:** Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6. **Địa chỉ sản xuất:** 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2. **Đường dây nóng:** 8-800-100-80-87 (cuộc gọi miễn phí trong lãnh thổ Nga). **www.miratorg.ru**

CÔNG TY TNHH MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)
NGUYỄN HỮU LONG

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt.**

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Ngô Đình Hoàn

Ngày 19 tháng 03 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười chín, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, CÔNG CHỨNG VIÊN Trần Thị Huyền là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 31374 **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ.T.T.P Q.T.H.Đ VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Huyền

5 Boiled-smoked Marble Servelat

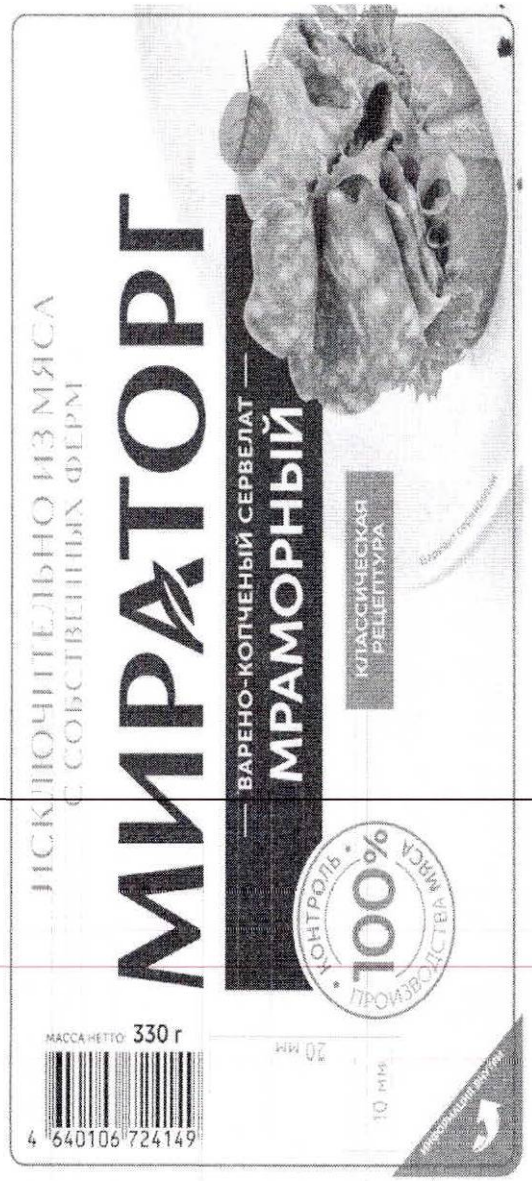

2,5 мм

RU МЯСНОЕ КОЛБАСНОЕ ИЗДЕЛИЕ ВАРЕНО-КОПЧЕНОЕ. КОЛБАСА «СЕРВЕЛАТ МРАМОРНЫЙ».

Упаковано под вакуумом. Состав: свинина, шпик, говядина, вода, белок молочный, посолочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), животный белок (свиной), регуляторы кислотности (трифосфат натрия 5-замещенный, дигидропирофосфат натрия, цитрат натрия 3-замещенный), декстроза, мальтодекстрин, антиокислитель (изоаскорбат натрия, аскорбиновая кислота, L-), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия 1- замещенный), натуральные специи (чеснок, кориандр, перец чёрный, мускатный орех, тмин, перец красный, кардамон), краситель (кармины), ароматизаторы. На предприятии используются: горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки. **Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения):** белок – 15 г; жир – 25 г; **энергетическая ценность (калорийность)** – 1193 кДж/285 ккал. Хранить при температуре от 0°С до 6°С. Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре хранения от 0°С до 6°С и относительной влажности воздуха от 75% до 78% – не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. Дата изготовления и упаковывания, срок годности: смотреть на упаковке. **ТУ 10.13.14-003-93150011-2018.** Произведено в России. **Изготовитель:** ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6. **Адрес производства:** 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2. **Телефон «Горячей линии»:** 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). **www.miratorg.ru.**

AZƏ KOLBASA «SERVELAT MRAMORNIY». BIŞMIŞ -HISƏ VERILMIŞ ƏT KOLBASA MƏ HSULU.

Vakuum altında qablaşdırılmışdır. Tərkibi: donuz əti, piy, mal əti, su, süd zülalı, duzlama-nitrit qarışığı (duz, boyatama fiksatoru (natrium nitrit)), heyvan (donuz) zülalı, turşuluq tənzimləyiciləri (5-əvəz edilmiş natrium trifosfat), dekstroza, maltodekstrin, antioksidləşdirici (natrium izoaskorbat, askorbin turşusu, L-), dad və ətir gücləndiricisi (1-əvəz edilmiş natrium qlutamat), təbii ədviyyatlar (sarımsaq, dağkeşniği, qara istiot, cövüz, zirə, qırmızı istiot, hil), boyaq maddəsi (karminlər), dadlandırıcılar. Müəssisədə xardal, taxıl, küncüt, süd məhsulları, fındıq, kərəviz, sulfit, yumurta və onlardan emal edilmiş məhsullar istifadə edilir. **100 q məhsulun ortalama qida dəyəri:** zülal – 15 q; yağ – 25 q; **100 q məhsulun ortalama enerji dəyəri/kaloriliyi** – 1193 kC/285 kkal. 0°C -dən 6°C-dək temperaturda saxlamaq lazımdır. Saxlama temperaturunda istehlak qablaşdırmasının bütövlüyünün pozulmasından sonra məhsulun məsləhət görülən yararlıq müddəti 0°C -dən 6°C-dək temperaturda və havanın nisbi rütubətləri ən çox 75%-dən 78%-dək olan yerdə - qablaşdırılmış

2,5 мм

CÔNG TY TNHH MONMILK
M.S.D.N: 4201570744-C.T.T.NHH
TP.NHA TRANG-T.KHÁNH HÒA

GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (1/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**XÚC XÍCH HUN KHÓI SERVELAT VÂN CẨM THẠCH MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cảm quan / Sensory	Sản phẩm dạng rắn, mềm, gói kín, nguyên vẹn, không hư hỏng, không có tạp chất lạ. Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ.	-	AVA-KN-PP.HL/56

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692664 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (2/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**XÚC XÍCH HUN KHÓI SERVELAT VÂN CẨM THẠCH MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	273	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	15.2	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	2.32	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	22.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
5	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	799	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (3/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**XÚC XÍCH HUN KHÓI SERVELAT VÂN CẨM THẠCH MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (3/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.011	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (4/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**XÚC XÍCH HUN KHÓI SERVELAT VÂN CẨM THẠCH MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (4/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
2	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
3	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (5/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**XÚC XÍCH HUN KHÓI SERVELAT VÂN CẨM THẠCH MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-5 (5/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	5.0×10^1	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022
2	Salmonella (*) / Salmonella (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK

TRẦN HOÀNG VINH